

Bài báo nghiên cứu

ẢNH HƯỞNG CỦA NHO GIÁO TRONG THI CA CUNG ĐÌNH TRIỀU NGUYỄN

Trần Phạm Mỹ Nhân

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Trần Phạm Mỹ Nhân – Email: tranphammynhan2908@gmail.com

Ngày nhận bài: 18-3-2025; Ngày nhận bài sửa: 23-4-2025; Ngày duyệt đăng: 30-6-2025

TÓM TẮT

Tư tưởng Nho giáo qua hàng nghìn năm tồn tại và phát triển đã tác động trực tiếp đến nội dung và phương thức sáng tác của các tác gia trung đại. Bài viết tập trung làm rõ sự ảnh hưởng nói trên nhìn từ phương diện nội dung. Đối với bộ phận thơ ca cung đình của các thi sĩ hoàng tộc, ảnh hưởng của Nho giáo được thể hiện rõ nét trong tinh thần tự hào dân tộc, tính khắt khe triều đại, tư duy thiêng liêng hóa dòng dõi gia tộc họ Nguyễn và cảm hứng tụng ca cảnh đẹp non sông đất nước trong cảnh thái bình thịnh trị, đó là lí tưởng triều đại, là ước mơ cao quý của chung hết các hoàng tử, công chúa có trái tim thi sĩ này. Để đạt được ước vọng đấy, họ phải không ngừng tu dưỡng đạo đức bản thân sao cho xứng đáng với vai trò dẫn đạo xã hội.

Từ khóa: Nho giáo; văn học; thơ ca; cung đình; triều Nguyễn

1. Mở đầu

Sau khi kết thúc cảnh nội chiến kéo dài hơn 150 năm, thống nhất bờ cõi từ bắc chí nam, công cuộc xây dựng một đất nước phong kiến tập quyền vững chãi là nhiệm vụ được các vua triều Nguyễn đặt lên hàng đầu. Bối cảnh thời đại mới chứng kiến sự xuất hiện của nhiều luồng tư tưởng một cách hỗn loạn. Với tư cách là người dẫn đạo xã hội, các vua đầu triều Nguyễn đã tìm thấy ở Nho giáo cứu cánh cho viễn tưởng về một sức mạnh tập quyền nơi hoàng đế. Ảnh hưởng sâu rộng của học thuyết chính trị này được minh chứng qua bề dày lịch sử văn hóa theo thời gian.

Ở trạng thái nguyên thủy nhất của nó, Khổng Tử xây dựng Nho giáo từ các nguyên lí cốt lõi về hệ thống lễ nghi, đạo đức do Chu Công Đán đặt nền tảng. Trải mấy ngàn dâu bể, mỗi lãnh thổ và triều đại lại có sự tiếp thu, phát triển hệ thống giáo lí này một cách riêng biệt. Đến giai đoạn đầu triều Nguyễn, khuynh hướng Tống Nho trở nên hữu dụng với giai cấp thống trị hơn tất cả. Những nho sĩ của khuynh hướng này tuyệt đối hóa chế độ quân chủ, chính danh và hợp thức hóa quyền lực của triều Nguyễn theo thuyết “Thiên mệnh”.

Cite this article as: Tran, P. M. N. (2025). Influence of confucianism in the court poetry of the Nguyen Dynasty. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 22(6), 1141-1149. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.6.4912\(2025\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.6.4912(2025))

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tư tưởng đạo đức Nho giáo thể hiện qua tinh thần khẳng định triều đại

Quan niệm “Thiên mệnh” là nội dung cốt lõi trong học thuyết Hình nhi thượng học của Nho giáo. Bằng việc khảo cứu những chế độ và phong tục xã hội xưa cổ, suy ngẫm tư tưởng của các bậc tiền nhân và quan sát lẽ biến hoá của trời đất, Khổng Tử đưa ra những lí giải mang tính triết học về vũ trụ. Theo Khổng Tử, “vũ trụ hỗn mang lúc khởi nguyên chịu sự chi phối của lí thái cực huyền diệu, biến đổi khôn lường mà sinh và hóa” (Tran, 1971). Đây chính là cái Đạo của trời đất. Trong bộ ba tam tài: Thiên – Địa – Nhân, con người khiêm nhiên chiếm vị trí cao quý, là cái đức của đất trời ngưng tụ mà thành, cũng hưởng cái đức của đất trời để trị ngộ mọi việc. Theo cái lí ấy, Nho giáo tin Trời là chủ tể cả vũ trụ. Đó là một ý chí tối cao điều khiển và quyết định mọi sự biến hóa ở thế gian cho hợp lẽ điều hòa. Ý chí đó gọi là Thiên mệnh, tức là ý chí của Trời. Triết thuyết về Thiên mệnh với sức mạnh của thiên địa, âm dương không ngừng trở đi trở lại trong thi văn của các vua triều Nguyễn như một định lí không thể phủ nhận: “Trung ngoại phụng hành thần hữu chuẩn/ Âm dương phán định tuế vô si” (Hành lễ trong ngoài giờ đúng chuẩn/ Âm dương năm xét thật không nhầm) (*Gia bình sóc tác* - Minh Mạng) (Nguyen, 2022, p.140). Hay: “Thiên địa âm dương hàm định phán/ Đế vương thông kỉ vĩnh tuyên chiêu” (Trời đất âm dương phân định rõ/ Ki cương phép tắc đế vương xây) (*Gia bình Ban sóc tác* - Thiệu Trị) (Nguyen, 2022, p.142).

“Thiên địa, âm dương” trong thơ của thi sĩ hoàng đế tượng trưng cho đẳng hóa công, cho cái lí biến dịch vô cùng của tạo hóa. Ngược nhìn từ cái gốc của nền văn minh lúa nước gần như phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên, con người trong xã hội trung đại ngưỡng vọng đất trời như một thế lực toàn năng quyết định mọi lẽ. Nhà vua thay mặt cho con người trong phạm vi một quốc gia, lãnh thổ để thụ mệnh trời, phải tri (biết), kính (trọng) và úy (sợ) trời. Tri, kính và úy trời, với Nho giáo, tức là phải luôn biết suy nghĩ và hành động thuận mệnh trời, là yêu cầu cơ bản về mặt đạo đức của người quân tử, nhất là vua chúa.

Theo đó, mọi hiện tượng xảy ra trong giới tự nhiên như thiên tai (động đất, hạn hán, lụt lội, lở núi...) hay dịch họa (sâu bọ phá hoại mùa màng, bệnh dịch) và những diễn biến bất thường trong xã hội như mất mùa, chiến tranh, giặc giã đều là những sự răn đe, cảnh báo và trừng phạt của trời đối với nhà vua nếu không làm tròn bổn phận đối với trời. Vậy nên, một trong những nhiệm vụ quan trọng của vua để thể hiện sự kính, úy trời là chủ trì các buổi tế lễ một cách nghiêm cẩn. Lễ Ban sóc (ban lịch) gọi nguồn thi hứng dồi dào với vua Thiệu Trị. Chỉ riêng nhan đề *Gia bình Ban sóc tác* (Viết khi ban lịch vào tháng Chạp) đã ghi nhận đến 3 bài thơ viết vào ba năm khác nhau (Nguyen, 2022, p.141), được chọn khắc in trên kiến trúc điện Long An, đây là bốn câu của bài đầu tiên: “Trinh nguyên hội hợp hưu tường ứng / Đán phục đán hệ chính thể Nghiêu [...] Thiệu trị niên niên tăng bửu lịch/ Quần phương phụng sóc Đại Nam triều” (Ngôi cao hòa với điềm lành ứng/ Chính thể tựa Nghiêu nối tiếp ngày [...] Kế trị hàng năm ban lịch quý / Muôn nơi tuân phụng Đại Nam này) (*Gia bình Ban sóc tác* – Thiệu Trị) (Nguyen, 2022, p.140).

Người Việt từ xưa lấy kinh tế nông nghiệp làm trọng, vậy nên quyền lịch đối với đời sống con người có ý nghĩa đặc biệt to lớn. Xem lịch để dự đoán thời tiết, theo dõi thời gian,

lên kế hoạch mùa vụ, phục vụ các công việc hàng ngày. Trong một số cuốn lịch còn lưu lại đến ngày nay, quốc hiệu đất nước vẫn in rõ hai chữ Đại Nam của tiền triều. Mượn lễ Ban sóc để làm đề tài, vua Thiệu Trị chủ yếu khẳng định tính tất yếu của triều đại, kỉ cương, pháp chế và niềm tin về sự hưng thịnh vững bền của đất nước. Tức là, dù chịu ảnh hưởng về tư tưởng mệnh trời và thuyết “*Thiên nhân tương cảm*”, nhưng trước hết, các thi sĩ hoàng đế là người Việt, với đầy đủ lòng yêu nước và tự hào dân tộc, đã tiếp thu và lọc bớt những hạn chế vốn có của Nho học. Tính chất duy tâm thần bí, cứng nhắc đã được giảm thiểu. Trời và mệnh trời không được nhấn mạnh như một thực thể siêu nhiên mà chủ yếu là thực thể đạo đức thuần hậu, mang tới điềm lành cho vận nước, hợp thức hóa ngôi vua: “Võ liệt văn mô phó tí long/ Thiên chi lịch số tại dư cung [...] Vạn phương phụng sóc Đại Nam quốc/ Thiệu trị miên trường đế nghiệp sùng” (Hiển văn hách võ tốt lành thay/ Lịch số đất trời thân tại đây [...] Khắp cõi Đại Nam cùng lịch số/ Lâu dài trị nước vẻ vang dày) (*Gia bình Ban sóc tác* – Thiệu Trị) (Nguyen, 2022, p.143).

2.2. Tư tưởng đạo đức Nho giáo thể hiện qua cảm hứng ngợi ca và thiêng liêng hóa dòng họ

Cảm hứng tụng ca, khẳng định triều đại dựa trên nền tảng thiên mệnh không phải là điều hiếm lạ trong văn học trung đại, nhất là với bộ phận văn học cung đình đậm tính quan phương. Không chỉ thẳng thắn bày tỏ lòng tự hào về chủ quyền lãnh thổ và gửi gắm hi vọng về một triều đại trường tồn, các thi sĩ hoàng tộc triều Nguyễn còn thể hiện niềm kính ngưỡng qua nhiều áng thơ viết về tổ tiên, ca ngợi và thiêng liêng hóa dòng họ của mình.

Công lao của vị vua đầu triều - Gia Long còn là điều bàn cãi đối với nhiều nhà nghiên cứu sử học. Nhưng riêng với hoàng tộc triều Nguyễn, từng bước trên con đường thống nhất đất nước của vị hoàng đế này xứng đáng khắc vào tâm khảm của mỗi thế hệ con cháu ông về sau. Là vị vua thứ tư tính thời Gia Long, nhân dịp đến chiêm bái lăng Thiên Thọ, vua Tự Đức thấy như cả đất trời vun đắp cho mộ phần tổ tiên: “Trạch phối càn khôn đại lương tư (Đất trời vun mộ lớn hai ngôi)” (*Chiêm bái Thiên Thọ lăng* - Tự Đức) (Nguyen, 2022, p.218). Hơn ai hết, thi sĩ hoàng đế này hiểu rõ một dải giang sơn nối liền biển bắc trời nam mà ông đang trị vì thuộc về công lao của tiền nhân nằm tại nơi đây - “Hưng sáng công kiêm hoành nhất thống” (Công lao thống nhất bao la rực), để cho: “Đan khôn tôn thần cam dục độc/ Thanh linh sắc dị chân song thù” (Cháu con cốt ở ươm nguồn ngọt/ Vọng tiếng hiển linh trọn kiếp người) (*Chiêm bái Thiên Thọ lăng* - Tự Đức) (Nguyen, 2022, p.218).

Là những thi sĩ vương gia, công chúa, không được và cũng không phải mang việc nước quán thân, lại có nhiều cơ hội du ngoạn, nhìn ngắm cảnh đẹp đất Thần kinh, có lần Tương An quận vương Miên Bửu chống thuyền dừng tại bến Định Môn. Nơi đây nổi tiếng là một vùng quy tụ nhiều lăng tẩm của vua chúa nhà Nguyễn. Tức cảnh sinh tình, vương bày tỏ: “Sa ngân lưu hổ tích/ Sơn thế phục long hình/ Liệt thánh tôn lăng cận/ Thiên thành địa khí linh” (Cát còn lưu dấu cọp/ Thế núi tựa hình rồng/ Liệt thánh lăng gần đó/ Đất linh bởi hoá công) (*Định Môn tân thứ* - Miên Bửu) (Nguyen, 2023, p.82).

Phóng tầm mắt ra xa, vương thấy cả vùng sông núi bằng bạc khí thiêng uy linh và oai vệ như chung đúc cho đất nước và đế nghiệp vương triều mãi trường tồn. Niềm kiêu hãnh

về nguồn cội ít nhiều tồn tại trong thơ bất cứ ông vua, ông hoàng nào, nhất là khi quay về quê cha đất tổ. Năm 1842, nhân dịp theo vua Thiệu Trị ngự giá Bắc tuần, đến Thanh Hóa, bãi vọng lăng Trường Nguyên, Miên Bửu đã làm bài thơ tưởng niệm liệt thánh, ca ngợi cảnh đẹp nơi phát tích của vua chúa nhà Nguyễn và công lao của các đấng tiền liệt: “Quý huyện chung tường tổ đức cao/ Nam thiên định đỉnh thánh công lao [...] Cung chiêm thượng ý tư tiền liệt/ Bái yết tôn lăng phục địa hào” (Quý huyện tốt lành đức tổ cao/ Trời Nam dựng nước lắm công lao [...] Một lòng tưởng niệm chư tiền liệt/ Kính viếng tôn lăng, thăm thiết gào) (*Phụng giá dạ hiết thanh cao hành cung cung kị* - Miên Bửu) (Nguyen, 2023, p.86).

Từ lăng kính của một ông hoàng – cũng là một Nho sĩ tận trung, đất nước dưới sự trị vì của hoàng tộc triều Nguyễn bước vào thời thịnh trị không kém Nghiêu Thuấn buổi xưa. Thả trôi chiếc thuyền du hành trên bến Quảng Trị - một tỉnh tiếp giáp phía bắc Thừa Thiên lúc bấy giờ, lòng tự hào về cảnh đẹp non sông gấm vóc trào dâng trong lòng Miên Bửu. Vương thấy giữa sông núi đẹp tươi là cuộc sống an cư lạc nghiệp hết sức thanh bình của nhân dân khắp vùng. Niềm kiêu hãnh về tổ tiên và lòng tin vào triều đại đã vẽ lên một bức tranh đầy lí tưởng trong thơ vương: “Tích niên tăng phụng giá lâm quan/ Thử địa kinh qua tứ thứ khan/ Dân toại sinh nhai triêm đức chính/ Điền đa cam trạch cận Trường An [...]” (Năm xưa từng phụng giá tuần hành/ Bốn bận xem qua cảnh hữu tình/ Đức chính thấm nhuần, dân thỏa thích/ Để kinh kế cận, nước trong lành [...]) (*Dạ túc Quảng Trị tân thứ* - Miên Bửu) (Nguyen, 2023, p.87).

Nhưng rốt cuộc, khoảng cách giữa lí tưởng triều đại và thực tế xã hội thời đại này càng lúc càng xa cách. Khi một vương triều vừa mới thành lập, việc sử dụng thơ văn như một công cụ khẳng định tính chính danh và chủ quyền lãnh thổ là điều tất yếu và cần thiết. Càng gần về mặt kì triều Nguyễn, cũng là hồi cáo chung cho cả chế độ phong kiến tập quyền kéo dài suốt mấy ngàn năm trong lịch sử dân tộc, tình hình chính trị, xã hội càng trở nên căng thẳng hơn bao giờ hết. Đời sống nhân dân khôn khổ điêu linh. Triều đình chỉ còn là cái vỏ rỗng, không còn đủ sức để chống đỡ trước những nội loạn, ngoại xâm. Đất nước gần như tê liệt về mọi mặt. Ấy vậy mà, niềm tin vào tính đúng đắn và sự trường tồn của học thuyết Nho giáo vẫn là cái bình phong để vua Khải Định tự che chở, trấn an chính mình. Năm 1918, khi đến bãi yết ở Văn Miếu (Hà Nội), vua viết hai bài thơ thể hiện sự tự hào với truyền thống văn hóa “Thời trung văn giáo nhập Viêm đô/ Bách thế tôn sùng đệ nhất Nho” (Giữa thời văn giáo nhập Kinh đô/ Muôn thuở tôn sùng nhất đạo Nho) (Nguyen, 2022, p.238). Rồi thì: “Tằng vị Bắc phương danh giáo địa/ Nghi hồ miếu mạo vĩnh nguy nga” (Từng nghe giáo hóa lòng phương Bắc/ Miếu mạo nguy nga vững mấy phần) (Nguyen, 2022, p.239). Những thánh, những hiền, những triết thuyết của ngàn năm trước đã không còn có thể đáp ứng tình hình cấp bách của thời đại, quốc gia. Đó là điều đáng suy ngẫm không chỉ với lớp sĩ phu đã qua mà còn chung cho cả dân tộc trước những sự đổi thay của thời cuộc ngàn sau.

2.3. Tư tưởng đạo đức Nho giáo thể hiện qua vấn đề tu dưỡng bản thân của thi sĩ hoàng tộc

Không phải ngẫu nhiên mà Nho giáo đã trở thành một học thuyết được sùng thượng suốt mấy ngàn năm trong khu vực văn hóa đồng văn chữ Hán. Đạo Nho của Khổng Tử buổi

ban đầu vốn hướng đến việc xây dựng một xã hội kỉ cương phép tắc, chấm dứt tình trạng hỗn loạn sau binh biến. Nguyên tắc trị nước của đạo Khổng cốt lấy “*nhân*” làm gốc, “việc chính trị cốt ở đạo nhân; lấy nhân mà sửa đạo, lấy đạo mà sửa mình. Có sửa được mình cho ngay chính, thì những kẻ hiền tài mới theo mà giúp mình” (Tran, 1971). Người làm vua của một nước, đứng dưới cỡi trời, thay trời hành đạo. Đạo của trời cũng là đạo *Nhân*. Chính vì lẽ đó, phàm đã thác sinh trong nhà chúa, nói một cách lí tưởng, đều phải là những con người đầy mực thước đúng như quy chuẩn đạo đức Nho giáo. Dầu có thụ mệnh trời, mà người cầm quyền không ngay chính, không có đức, không có tài, thì nước cũng phải loạn. Vua chúa, trước hết phải kính cẩn, lo sửa mình ngay chính, cho đúng đạo thánh hiền. Trên nền tảng chuyên tâm tu dưỡng đạo đức, thi sĩ đế vương nói riêng và thi sĩ hoàng tộc nói chung đa phần hướng đến cảm hứng tự huấn thay vì giáo huấn nhân sinh xã hội: “*Quân đạo quý nạp ngôn/ Nhưng phân biệt tà chính/ Chính ngôn tất miễn tông/ Tà ngôn vật khả thánh/ Gian quỹ vi thân gia/ Trung thành mưu quốc chính/ Hào li thiên lí sai/ Nhật dạ trừng tâm kính*” (Đạo vua phải lắng nghe/ Luôn phân biệt tà chính/ Tin dùng lẽ thẳng ngay/ Chớ nghe lời xu nịnh/ Kẻ gian lo nhà mình/ Người trung chăm triều chính/ Sai một li – một dặm/ Ngày đêm lòng như kính) (*Tự huấn* – Minh Mạng) (Nguyen, 2022, p.13).

Nổi tiếng là người ngay thẳng đến nghiêm khắc, vua Minh Mạng không chỉ có lỗi trị nước cứng rắn, giáo dục con cháu hết sức quy củ, mà trước hết, vua luôn nghiêm chỉnh tự răn mình. Trong những năm tháng trị vì đất nước, ông khuyến khích bá quan văn võ nói lời thẳng, đúng với tình hình thực tế và suy nghĩ của thần tử. Vẫn biết lời thật khó nghe, lẽ xu nịnh dễ làm mờ mắt, vua xem “*quân đạo*” là phải phân biệt được chính tà. Năm vừa lên ngôi, Minh Mạng ban chiếu về việc mở rộng đường ngôn luận, lắng nghe ý kiến thật lòng, nhất là những lỗi mà vua mắc phải để vua tôi sửa chữa lẫn nhau, trên báo đáp được lòng trời, dưới chữa sống được bệnh dân, tất cả cùng hướng đến sự thái bình của đất nước. Từ sớm, vua đã ý thức được những lời hoạt ngôn dối trá dễ dàng xoay chuyển để che giấu thực tế. Cầm ghét dối trá, nhưng vẫn tinh táo để suy xét, độ lượng trước thực tế có những sự *dối* nhưng không *trá* trong xã hội. Vua Minh Mạng từng có một lời dụ về quan điểm này: “Phàm người nói dối, xét về tình và lí, cũng có nặng nhẹ khác nhau, há nên nhất thiết trị tội cả? Ta ở trong cung, nghe ở bên cạnh có tiếng ho, hỏi, họ chối là không. Như vậy là họ sợ ta mà phải nói dối, thì có tội gì! Xưa, vua Thuấn hay hỏi và hay xét đoán. Thực nên noi theo” (Nguyen, 2021, p.16).

Bản thân là người ở ngôi cao, thụ mệnh trời chần dặt con dân, làm gương cho thần tử, vua không khác nào dám trể nải việc chính sự, tu dưỡng đạo đức: “*Cán thực tiêu y cần tối chính/ Triều can tịch dịch cần tri thân*” (Áo com muộn màng chăm việc nước / Tu thân chiều sớm chẳng chây lười) (*Vạn Phương Ninh Mật* – Minh Mạng) (Nguyen, 2022, p.33). Hay: “*Giảng dị cần truyền phát thiếu sơ/ Dã tri dạ giả nhật chi dư*” (Giảng học cần cù chẳng xuê xoa/ Biết là đêm đọng chút ngày qua) (*Nhật dư chi độc* – Thiệu Trị) (Nguyen, 2022, p.187).

Quốc sử quán triều Nguyễn chép lại: vua Minh Mạng ra coi châu từ rất sớm, xem xét mọi sự vụ, tự tay “*châu phê*” rồi mới cho thi hành. Là người ham hiểu biết, thường khi tan châu, vua cho đòi vài đại thần tới để hỏi các việc kinh lí, hỏi sự tích, danh nhân, phong tục

gần xa. Nhiều đêm vua thức xem tấu chương đến canh hai, canh ba mới nghỉ, sau đó lại tảo triều. Khi mới lên ngôi, Minh Mạng đã có huấn dụ về việc chăm đọc sách để hiểu sâu về đạo trị nước, trau dồi thêm kiến văn. Các đời vua kế nghiệp từ nhỏ đã được tiên đế rèn luyện nề nếp thi thư, chuyên cần sách vở, lâu dài trở thành nếp sống riêng biệt khó buông thả. Công vụ quần thân cũng không làm bớt thời gian tu dưỡng tinh thần, trộm từng khắc để say mê đọc sách, vua Tự Đức cảm khái: “Dục cầu đế vương đạo/ Dã tu thân kiêm tang/ Khởi vô ái tầm quý/ Chỉ khùng nhất giám vong [...]” (Muốn hết lòng để đạo / Sách vở chẳng xa rời/ Sao chẳng màng ăn ngủ/ Chỉ sợ năng lực vơi [...]) (*Tĩnh dạ độc thư* - Tự Đức) (Nguyễn, 2022, P.189).

Đọc để hiểu cách người xưa lí giải về vạn vật, đọc cũng để thấm nhuần cách tiếp nhân xử thế của Nho gia. Thân là vua, khi nối nghiệp tiên hoàng, người hiểu tử phải luôn vâng mệnh cha, biết rõ chí hướng việc làm, lối trị nước của cha như lời Khổng Tử: “Phụ tại, quan kì chí; phụ một, quan kì hạnh. Tam niên vô cải ư phụ chi đạo khả vị hiếu hĩ” (Khi người cha còn sống, phải xem cái chí của cha; cha mất rồi, phải xem việc làm của cha. Trong ba năm không đổi đạo của cha mới gọi là hiếu) (Nguyễn, 2023, p.94). Thân là vương, hơn ai hết, cần phải tôn quân và trung quân tuyệt đối. Theo Nho giáo, đức của người quân tử và bổn phận của kẻ thần tử cần phải hết sức thận ngôn và thận hành. Việc giữ gìn lời ăn tiếng nói, dè dặt cẩn trọng trong việc làm để tránh bớt tai hoạ, không phiền người và cũng để bản thân ít phải hối hận. Sự thận trọng đến mức dè dặt, khiêm tốn âu cũng là điều đáng quý ở một ông hoàng trẻ tuổi: “Cận nhật thư trai nhất sự vô/ Bằng song ngọt ngọt toạ như ngư/ Ninh hựu lộng xảo thêm xà túc/ Bất cảm khoa hùng loét hồ tu/ Thủ chuyết tiện thành diên thọ thuật/ Thận ngôn tức thị hộ thân phù/ Thế gian tối thiểu tri cơ giả/ Tiểu ngã hành tàng thậm viễn vu” (Phòng sách việc đời tránh bấy nay/ Nương song vò võ tựa đàn ngâ/ Trờ rấn thêm chân đừng khoe khéo/ Chuyện vượt râu hùm dám nói hay/ Giữ vụng lại càng thêm tuổi thọ/ Gìn lời ấy chính bớt ương tai/ Thế gian kẻ biết cơ trời ít/ Cười tở hành tàng chuyện nước mây) (*Thuật sự* - Miên Bửu) (Nguyễn, 2023, p.99).

Trước khi trở thành người toàn tài toàn đức, các vị hoàng tử, công chúa đều lớn lên bằng tình thương của hai đáng sinh thành và hiểu biết với sự dạy dỗ của các bậc Nho sĩ tài danh. Sinh trưởng trong gia đình đế vương, từ nhỏ đã thụ hưởng nền giáo dục bài bản cùng những cung quy nghiêm khắc, các hoàng tử không sống gần gũi cùng song thân. Riêng triều Minh Mạng, vua có đến 78 hoàng nam và 64 hoàng nữ. Lọt thỏm trong hàng ngũ anh em đồng đức, mỗi hoàng tử nhận được sự quan tâm khác nhau từ phụ hoàng, tùy vào sự gần gũi và sủng ái của ông đối với sinh mẫu mỗi người. Là hoàng tử thứ mười của vua Minh Mạng và bà Thực tần Nguyễn Thị Bửu, từ khi lên bảy, Miên Thắm đã sống cùng anh em ở Dưỡng Chánh đường để sớm ngày theo học với hai vị đại khoa là Trương Đăng Quế và Thân Văn Quyền.

Được biết, từ lúc mới sinh, Miên Thắm đã rất ốm yếu, bệnh tật liên miên, lại thường khóc đêm dai dẳng, các ngự y gọi là chứng “dạ đề”. Khi chưa đầy tuổi, vì khóc nhiều nên hai mắt vương kéo mây trắng và có máu. Sinh mẫu ngày đêm tận tình chăm sóc, chạy chữa thuốc thang, trông nom mãi đến khi sức khoẻ vương có tiến triển. Từ khi biết nói, biết đi, vương càng quấn quýt bên chân mẹ. Chiều chiều, mẹ thường dẫn vương đi dọc theo dãy hành

lang từ viện này sang viện khác để con dạn nắng, dạn gió. Nguyên bà Thục tần vốn là một bậc nữ sĩ tri thư đạt lễ, am hiểu Nho học. Khi vương còn thơ ấu, trước khi học với các bậc đại thành, đã được mẹ cho làm quen với sách vở. Sau này, vương lập phủ riêng, đến năm Tự Đức thứ hai, vương dâng sớ xin rước mẹ về Tiêu viên để phụng dưỡng. Những tưởng được sớm chiều gần mẹ, nào ngờ chỉ được vón vẹn hai năm, bà Thục tần tạ thế. Đau xót thay, con muốn báo hiếu mà mẹ thời chẳng còn. Vương dựng nhà cạnh mộ mẹ để thọ tang nhiều năm. Một đêm tiết trung thu mưa gió, ở lại bên từ đường của mẹ cạnh sông Lợi Nông, vương thương nhớ người tha thiết: “Chung thân hoài trắc dĩ/ Hà ý thuyết Trung thu/ Phong vũ thiên biên cấp/ Thanh dung mộng lí du/ Bi tai hao úy ngữ/ Dục báo cánh vô do” (Cả đời nhớ đến mẹ/ Nói gì tiết Trung thu/ Bên trời gió mưa gấp/ Lòng cứ mơ tưởng đến tiếng nói, dáng mạo của mẹ/ Buồn thay lời nói trang trọng nhiều lo nghĩ/ Muốn báo đáp lại không có lí do) (*Trung thu phong vũ tá tiên mẫu từ đường cảm thuật tứ thủ* - Miên Thẩm) (Ung, 1970, p.165).

Bà Thục tần là mẫu thân thân sinh của bốn anh em Miên Thẩm, Tam Khanh công chúa. Là anh cả trong gia đình, Miên Thẩm sớm định hướng việc học hành cũng như nếp sống của các em. Mặc dù xã hội Nho giáo quan niệm “nữ tử vô tài tiện thị đức”, tức “phụ nữ không tài mới là đức hạnh”, việc của họ chủ yếu là tuân thủ các giá trị tam tòng tứ đức, quần quanh bếp núc, chăm sóc con cái; để không lấn át quyền người nam, gây rối loạn trật tự gia đình và xã hội; tuy nhiên, sinh ra trong nhà đế vương, các công chúa có số phận tốt hơn nhiều nữ nhi dân thường. Không ít công chúa lớn lên trong nhung lụa, quen lối sống xa hoa, tiền vung như nước vào phấn son trang sức, những cuộc vui xa xỉ. Chỉ vài người hiếm hoi ưa thích thi thư, tu dưỡng đạo đức như chị em Tam Khanh công chúa. Đó không chỉ bởi tính cách thiên phú, mà phần nhiều là do sự ảnh hưởng từ lối sống cần kiệm, đức độ của mẹ và sự giáo dưỡng bài bản, nghiêm chỉnh của anh là Tùng Thiện Vương Miên Thẩm. Ông vừa là anh, vừa là thầy dạy, là tấm gương đạo đức để các em noi theo.

Theo lẽ thường, phủ chúa phải là cơ ngơi nguy nga đồ sộ với những đền đài lầu các lộng lẫy. Vậy nhưng, Tùng Thiện phủ của ông hoàng Miên Thẩm lại tránh cái xa hoa, chuộng điều đơn giản. Nơi đó có Tiêu Viên lọt thỏm giữa thiên nhiên dân dã, có Mặc Vân Sào thanh đạm là nơi lưu trữ nhưng sáng tác tâm huyết của những hồn thơ trọng lễ đạo. Nơi phủ chúa này thiếu bớt tiếng ca hát của những buổi tiệc tùng xa xỉ, lại nhiều thêm những cuộc ngâm thơ đàm đạo quy tụ nhiều danh sĩ thanh cao nho nhã. Chính nơi đây đã nuôi dưỡng hồn thơ, chung cất những phẩm cách huê chất lan tâm của ba nàng công chúa. Mai Am nhắc về anh bằng sự kính ngưỡng cốt cách Nho gia và phong thái đạm mạc: “Thảo đường di tự Cán Hoa cư / Tứ bích cao huyền vạn quyển thư / Quán thính cùng thanh an thụ hạc / Hỉ văn cầm vận tụ du ngư” (Nhà cỏ đã dời đến bên khe Cán Hoa / Bốn mặt tường xếp cao muôn quyển sách / Quen nghe tiếng trúc, chim hạc ngủ yên / Mừng hiểu cung đàn, cá đang bơi rong tự tại) (*Thương Sơn tiên sinh di kiến Mặc Vân Sào thành, thi dĩ hạ chi* – Mai Am) (Luong, 2004, p.115).

Kính cái đạo của Thương Sơn tiên sinh, học theo cái đạo của tiên sinh, tức là sống trọn vẹn ba giềng mối quan trọng của Nho giáo: tam cương Trung, Hiếu, Đễ và dành trọn đời suy ngẫm, thực hành tính Nhân, điều Thiện. Mắt thấy nỗi cực khổ vất vả của người nông dân, Mai Am đau lòng: “Tân miêu cát phu nhật chá bối / Dâm dâm bạch hãn như vũ thủy/ Đan

tự hồ tương đồng phụ tử/ Cộng thoại tân tân tịch dương lí” (Mạ cửa vào da mặt trời nướng cháy lưng/ Mồ hôi chảy ròng ròng như mưa / Giỏ cơm bầu nước cùng vợ con/ Nói chuyện râm ran trong cảnh chiều tà) (*Nông phu tử* - Mai Am) (Do, 2010, p.595). Cái nhìn thương cảm của một công chúa phần nào còn bị giới hạn bởi giai cấp và tầm nhìn của người phụ nữ vẫn quen sống nơi tường kín cổng cao.

Là một ông hoàng, cũng là một người tinh giữa thời cuộc mà nhiều kẻ trong thân tộc còn đang say, cái nhìn của Miên Thẩm sâu sắc hơn thế. Cảnh nhọc nhằn khốn khó của người dân lao động không thi vị, chẳng tươi sáng. Chiến tranh loạn lạc, thiên tai mất mùa đẩy cuộc sống họ đến bờ vực của những cái chết đau đớn nhất, tiếng khóc thấu mấy tầng xanh. Sống trong bối phận một vương gia thụ lộc nước, thuế dân, Miên Thẩm tủi nhục: “Kiến sâu vô chũng nịch / Thân thánh hữu đề ky / Hà ý cam ôn bão / Hàm tình song lệ huy” (Thấy dân khổ không tài cứu nổi / Ngày ngày nghe kêu đói bên tai. / Nỡ nào no ấm một đời? / Mối tình thâm kín lệ rơi ròng ròng) (*Thủy* - Miên Thẩm) (Ngo, 2000, p.78).

Đi suốt hành trạng *Thương Sơn thi tập* của ông, dễ thấy cái nhìn của vị thi sĩ hoàng tộc này trưởng thành theo thời gian khi càng ngày càng rời xa lí tưởng triều đại, tiệm cận với thực tế cuộc sống. Thiên mệnh và công đức tổ tiên gọi tên dòng tộc ông xưng vương xưng đế. Tư chất thông tuệ cùng với nền tảng Nho học bài bản sớm hun đúc khát vọng lập thân giúp đời và góp phần xây dựng tính cách ngay thẳng, trọng tiết tháo của người quân tử. Tiếc thay, chí khí và học vấn của ông không có chỗ để dùng. Muốn hành đạo giúp đời, nhưng là một hoàng tử, không thể đi thi tham gia chính sự. Mất thấy được những sự bất ổn trong cách điều hành đất nước và tương lai triều đại, nhưng lại chẳng có cách nào thay đổi. Miên Thẩm trở thành một “Nho sĩ không hàng ngũ” (chữ dùng của Ngô Thời Đôn). Đây cũng là bi kịch tâm trạng điển hình của nhiều thi sĩ hoàng tộc lúc bấy giờ.

3. Kết luận

Là những người thụ hưởng nền giáo dục Nho học bài bản và nghiêm khắc, các thi sĩ hoàng tộc triều Nguyễn phần nhiều dùng thơ ca chữ Hán để bày tỏ tư tưởng, những điều sở đắc về đạo thánh hiền, những suy ngẫm chiêm nghiệm về cõi nhân sinh. Nhìn một cách tích cực, tư tưởng nhân nghĩa của đạo Khổng đã tạo thành những nhân cách hướng đến cái toàn thiện, toàn chân, toàn mỹ. Sở hữu thân phận cao quý, một xuất phát điểm may mắn hơn muôn vạn con người, lại mang tấm lòng nhạy cảm, hướng thiện, số không ít các thi sĩ hoàng tộc triều Nguyễn là những người có lòng yêu nước thương dân, không ngừng hoàn thiện bản thân để vươn đến lí tưởng chung của triều đại. Nhưng lí tưởng đó nhanh chóng sụp đổ khi đối mặt với hiện thực tàn khốc: Nho giáo với những tín điều của nó không thể cứu vãn được chủ quyền đất nước, sinh mệnh lương dân trước súng đạn xâm lược của thực dân phương Tây và thời đại họ sống là thời đại cuối cùng của những Nho sĩ ưu thời mẫn thế.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Do, T. H. (2010). *Các nữ tác gia Hán Nôm Việt Nam*. [Vietnamese Female Writers in the Han–Nom Literary Tradition]. Social Sciences Publishing House.
- Luong, A. (2004). *Thơ Mai Am và Huế Pho*. [The Poetry of Mai Am and Hue Pho]. Thuan Hoa Publishing House.
- Ngo, T. Đ. (2000). *Gia trị nhân văn trong Thương Sơn thi tập của Mien Tham*. [The Humanistic Values in *Thương Sơn Thi Tập* by Mien Tham]. Hanoi National University of Education.
- Nguyen, P. H. T. (2021). *Thơ vua và suy ngẫm*. [King Poetry and Contemplations]. Literature Publishing House.
- Nguyen, K. (2023). *Tam trạng Tương An Quan vương qua thi ca của ông*. [The Emotional Disposition of Prince Tương An as Reflected in His Poetry]. Literature Publishing House.
- Tran, T. K. (1971). *Nho giáo*. [Confucianism]. Educational Resource Center. Ministry of Education.
- Ung, T. & Buu, D. (1971). *Tung Thiên Vương Tiểu sử và thi văn*. [Tung Thiên Vương: Biography and Poetry]. Van Dan Publishing House.

INFLUENCE OF CONFUCIANISM IN THE COURT POETRY OF THE NGUYEN DYNASTY

Tran Pham My Nhan

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

Corresponding author: Tran Pham My Nhan – Email: tranphammynhan2908@gmail.com

Received: March 18, 2025; Revised: April 23, 2025; Accepted: June 30, 2025

ABSTRACT

The Confucian ideology, with its enduring presence and development over thousands of years, has exerted a direct influence on both the content and the modes of literary composition among premodern Vietnamese authors. The article focuses on clarifying this influence from the perspective of content. In the court poetry composed by royal authors, the impact of Confucian thought is vividly manifested in their expressions of national pride, the affirmation of dynastic legitimacy, the sacralized perception of the Nguyễn royal lineage, and the lyrical praise of the country's natural beauty during times of peace and prosperity. These themes reflect the dynastic ideal and the noble aspiration shared by the princes and princesses who possessed the hearts of poets. To fulfill such lofty ideals, they continuously engaged in the cultivation of personal virtue, striving to live up to their roles as moral exemplars and guides of society.

Keywords: Confucianism; literature; poetry; royal court; the Nguyen dynasty